

Bản án số: 107/2026/HS-ST
Ngày: 21-07-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Lành;

Ông Lê Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 06 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 07 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc T**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 30/11/1996; Căn cước công dân số: 087096011026 cấp ngày 09/08/2021; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp); Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Trần Văn N (N1), sinh năm: 1967; Họ và tên mẹ: Lâm Thị M, sinh năm: 1968; Bị cáo có 02 anh, chị, em ruột; bị cáo là con út trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ, tạm giam: Không có; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** **Nguyễn Thịnh Q**, sinh năm 1999 – Vắng mặt.

Nơi thường trú: Xóm L, xã X, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

***Người làm chứng:** **Nguyễn Phước T1**, sinh năm 1994 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 02/02/2026, Trần Quốc T, V, M1 (Vàng và M1 không rõ họ), anh Nguyễn Phước T1 và anh Nguyễn Thịnh Q cùng nhậu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S, địa chỉ tại Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp, đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu nên V, M1, T1 đi về nhà, còn T, Q ngủ lại phòng của Q. Đến khoảng 05 giờ, ngày 03/02/2026, Trần Quốc T thức dậy nhìn thấy sợi dây chuyền vàng của anh Q để trong cái rổ nhựa nên T lén lút lấy sợi dây chuyền bỏ vào túi quần jean, sau đó, T lấy xe mô tô biển số 66K1-544.52 chạy về nhà, lấy một cái khăn trang màu xám gói sợi dây chuyền vàng lại giấu trong thùng thuốc sâu, màu nâu. Đến khoảng 08 giờ, ngày 03/02/2026, anh Q phát hiện sợi dây chuyền vàng bị mất nên trình báo sự việc đến Công an xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do nghi ngờ T là người lấy trộm sợi dây chuyền vàng nên Công an xã Tân Hồng mời T đến trụ sở làm việc, tại đây, T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và giao nộp lại sợi dây chuyền vàng.

*Vật chứng của vụ án bao gồm:

- 01 sợi dây chuyền vàng, chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu “VA610 và 610” kèm theo có móc treo dây chuyền vàng, ký hiệu 894, mặt dây chuyền hình thẻ bài, bên trong trong suốt có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5;

- 01 cái khăn trang màu xám.

*Tại Kết luận giám định số A360/KL-KTHS, ngày 16/02/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu “VA610610” được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng 60,49%, có khối lượng 21,530 gam.

- 01 mặt dây chuyền hình thẻ bài trong trong suốt bên trong có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5 cm có móc treo bằng kim loại màu vàng, ký hiệu “894 và 610 KH.BT được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng 59,83%, có khối lượng 36,237 gram.

*Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG, ngày 19/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản xã T kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng, chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu VA610610, hàm lượng vàng là 60,49%, có khối lượng 21,530 gam x 3.700.000 đồng/gam = 79.661.000 đồng.

- 01 móc treo dây chuyền vàng, ký hiệu 894, hàm lượng vàng 59,83%, có khối lượng là 2,80 gam x 3.670.000 đồng/ gam = 10.276.000 đồng.

- 01 mặt dây chuyền hình thẻ bài, bên trong trong suốt có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5. Giá trị 500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 90.437.000 đồng.

*Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu “VA610 và 610” kèm theo có móc treo dây chuyền vàng, ký hiệu 894, mặt dây chuyền hình thẻ bài, bên trong trong suốt có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại anh Nguyễn Thịnh Q.

- Đối với 01 cái khẩu trang màu xám, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

*Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thịnh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Trần Quốc T bồi thường thiệt hại hoặc thực hiện nghĩa vụ dân sự nào khác.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSTP-KV ngày 09/06/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Quốc T thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quốc T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có cha tên Trần Văn N tham gia bộ đội chiến trường Campuchia, có cậu ruột tên Lâm Văn T2, Lâm Văn Ê và bà ngoại Võ Thị P được Chủ tịch nước tặng Bằng khen, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì và có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Quốc T mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

***Về xử lý vật chứng:**

- Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu “VA610 và 610” kèm theo có móc treo dây chuyền vàng, ký hiệu 894, mặt dây chuyền hình thẻ bài, bên trong trong suốt có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5 cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại anh Nguyễn Thịnh Q.

- Đối với 01 cái khẩu trang màu xám, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

***Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Nguyễn Thịnh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Trần Quốc T bồi thường thiệt hại hoặc thực hiện nghĩa vụ dân sự nào khác.

Trong phần tranh luận, bị cáo Trần Quốc T không có ý kiến tranh luận mà chỉ thừa nhận hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất hối hận về việc làm của mình.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo Trần Quốc T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung trong bản Cáo trạng số 33/CT-VKSTP-KV ngày 09/06/2026 của Viện

kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại; Kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận vào ngày 03/02/2026 bị cáo Trần Quốc T có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Thịnh Q một sợi dây chuyền vàng, chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu “VA610 và 610” kèm theo có móc treo dây chuyền vàng, ký hiệu 894, mặt dây chuyền hình thẻ bài, bên trong trong suốt có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5, có giá trị 90.437.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Quốc T là người trên 18 tuổi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã trộm cắp tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có như vậy mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Quốc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo T có cha tên là Trần Văn N, từng tham gia bộ đội chiến trường Campuchia, có cậu ruột tên là Lâm Văn T2, Lâm Văn Ê và bà ngoại là Võ Thị P được Chủ tịch nước tặng Bằng khen Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì và có thành tích trong Kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản và Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, chiều dài 65cm, rộng 0,5cm, ký hiệu “VA610 và 610” kèm theo có móc treo dây chuyền vàng, ký hiệu 894, mặt dây chuyền hình thẻ bài, bên trong suốt có nhiều sợi chỉ màu vàng, kích thước 5,5 x 3,5 x 0,5 cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại anh Nguyễn Thịnh Q, nên không xem xét xử lý.

- Đối với 01 cái khẩu trang màu xám là vật bị cáo sử dụng để cất giấu tài sản sau khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 cái khẩu trang màu xám, là công cụ dùng vào việc phạm tội.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/07/2026); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV12 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADSKV12 - Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp;
- Công an xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dương

